

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (HOSE: DCM)
ĐÁNH GIÁ

Giá mục tiêu 12 tháng (làm tròn)	18,700 VNĐ
Giá hiện tại	12,600 VNĐ
Upside	48.73%

MUA
XUẤT KHẨU TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG CUỐI NĂM
KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3 VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020: TĂNG TRƯỞNG MẠNH

Doanh thu thuần tăng 36% Yoy trong quý 3: CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau (DCM) ghi nhận 2.019 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 36% so với cùng kỳ. Lợi nhuận gộp tăng vọt, gấp 2.1 lần, đạt 257 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng, công ty đem về doanh thu thuần 5.295 tỷ đồng, lãi sau thuế 462 tỷ đồng; tăng trưởng lần lượt 7% và 50%.

Nguyên nhân chủ yếu nhờ giá khí đầu vào giảm, chi phí hàng bán tiết kiệm hơn 300 tỷ đồng. Cụ thể, giá khí thực hiện bình quân 10 tháng đầu năm 2020 thấp hơn khoảng 12,5% so với giá khí kế hoạch 5,16 USD/TrBTU do giá đầu giảm.

Xuất khẩu tăng 30% Yoy: DCM đã triển khai xuất khẩu các đơn hàng lớn với tổng lượng xuất khẩu đạt 120.000 tấn đi các nước như Thái Lan, Ấn Độ và Brazil, góp phần đáng kể vào sản lượng tiêu thụ 9 tháng đầu năm tăng 30% so với cùng kỳ.

CẬP NHẬT ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Chúng tôi đánh giá tình hình kinh doanh của doanh nghiệp trong giai đoạn cuối năm 2020 và đầu 2021 vẫn duy trì tích cực nhờ (1) Chi phí giá nguyên liệu đầu vào chiếm khoảng 55 – 60% giá vốn vẫn thấp với kịch bản giá đầu trung bình trong năm 2020 đạt mức 40 – 45 USD/thùng, (2) Nhu cầu tiêu thụ tại các quốc gia Thái Lan, Ấn Độ, Brazil vẫn tích cực. Chúng tôi ước tính Doanh thu thuần 2020 dự phóng đạt 7.291 tỷ đồng (+1.6% TH 2019). Lợi nhuận trước thuế đạt 721,8 tỷ đồng (+155% TH 2019)

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

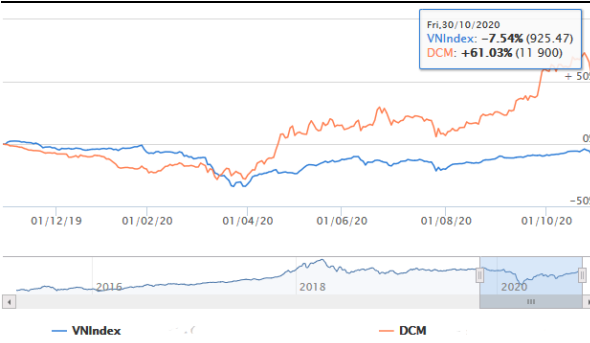
Nhận định: DCM đang nằm trong xu hướng tăng giá tăng giá ngắn hạn sau khi break out khỏi vùng nền tích lũy 12.000 – 13.000 hình thành trong 3 tháng vừa qua. Như vậy nhà đầu tư có thể mở vị thế cổ phiếu trong vùng giá 13.000 – 13.500, cân nhắc chốt lãi ngắn hạn khi cổ phiếu tiệm cận vùng giá 15.000 – 16.000, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ 12.000

Dữ liệu giao dịch

Sàn giao dịch	HOSE
Giá cao/thấp nhất 52 tuần	12,700/5,000
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	6,697
SLCP đang lưu hành (triệu cp)	529.4
KLGDBQ 52 tuần (cổ phiếu)	1,524,863
Sở hữu trong nước (%)	96.43
Sở hữu nước ngoài (%)	2.43
Room nước ngoài (%)	49

Một số chỉ tiêu chính

	2019	2020E	2021E
Doanh thu (tỷ VND)	7,176	7,291	7,305
LN gộp (tỷ VND)	1,092	1,385	906
EBIT (tỷ VND)	394	789	291
LN ròng (VND)	428	657	263
Tăng trưởng LNR (%)	-35	53	-60
EPS (VND)	808	1,241	496
Tăng trưởng EPS (%)	-35	54	-60
BVPS (VND)	11,534	11,993	11,636
Tỷ suất cổ tức (%)	9	9	9
ROE (%)	8	11	5
ROA (%)	5	7	3

Diễn biến giá cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

Tập đoàn dầu khí Việt Nam	75.56%
CTCP Quản lý quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí	8.52%
Cổ đông khác	15.92%

Cập nhật tình hình sản xuất – kinh doanh 9 tháng đầu năm 2020
Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

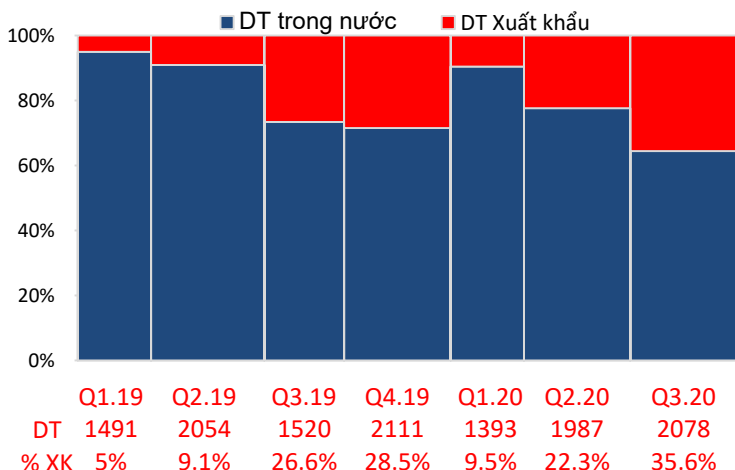
Khoản mục (tỷ đồng)	Q2/2020	Q3/2020	%QoQ	9T19	9T20	%YTD
Doanh thu thuần	1,930	2,019	4.6%	4,935	5,295	7.3%
+ Giá vốn hàng bán	1,515	1,762	16.3%	4,275	4,423	3.5%
Lợi nhuận gộp	415	257	-38.1%	660	872	32.2%
<i>Biên LN gộp</i>	22%	13%		13%	16%	
+ Thu nhập tài chính	46	33	-28.7%	105	109	4.1%
+ Chi phí tài chính	24	10	-57.8%	90	70	-21.6%
<i>+ Trong đó: Chi phí tiền lãi vay</i>	15	8	-50.2%	70	38	-45.1%
+ Chi phí bán hàng	113	90	-20.0%	236	262	11.1%
+ Chi phí quản lý DN	42	80	90.0%	145	164	12.6%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	281	109	-61.4%	293	485	65.4%
<i>Biên LN ròng</i>	15%	5%		6%	9%	
+ Thu nhập/Chi phí khác	0	2	290.7%	43	6	-85.2%
Lợi nhuận trước thuế	282	110	-60.9%	337	492	46.1%
Lợi nhuận sau thuế	266	102	-61.5%	309	461	49.2%
LNST của cổ đông công ty mẹ	265	101	-62.0%	303	457	50.8%

Nguồn: DCM, PSI tổng hợp

Thị trường Xuất khẩu là động lực tăng trưởng doanh thu trong năm 2020

Tiêu thụ nội địa trong quý 3 thường là giai đoạn thấp điểm, tồn kho thường tăng cao khi các tỉnh phía Nam bước vào vụ thu hoạch lúa hè thu, và phía Bắc thu hoạch lúa chiêm.

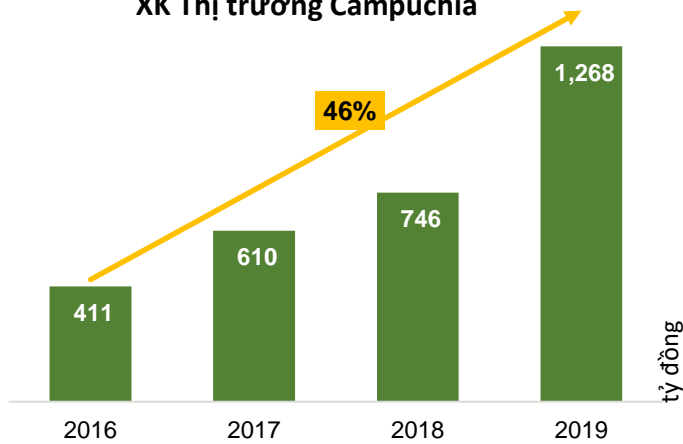
Tuy nhiên, Điểm sáng trong Quý này đến từ động lực tăng trưởng xuất khẩu phân bón. DCM đã triển khai xuất khẩu các đơn hàng lớn với tổng lượng xuất khẩu đạt 120.000 tấn đi các nước như Thái Lan, Ấn Độ và Brazil, góp phần đáng kể vào sản lượng tiêu thụ 9 tháng đầu năm tăng 30% so với cùng kỳ. Căng thẳng trong quan hệ khiến Ấn Độ giảm nhập khẩu từ Trung Quốc, tạo cơ hội xuất khẩu phân bón cho các doanh nghiệp Việt Nam.



Cụ thể, khoản mục Người mua trả tiền trước tăng gần gấp 3 trong quý này, chủ yếu đến từ 3 khách hàng truyền thống là các đối tác đến từ Campuchia (Yetak Group Co; Sayimex Ta Mchas SRE Co Ltd; và Chhun Sok An Co), cho thấy các đối tác đẩy mạnh mua hàng từ DCM.

Khoản mục Phải thu khách hàng tăng gần 284 tỷ, đến từ đối tác Swiss Singapore Overseas Enterprises Pte, công ty XNK hàng hóa trực thuộc tập đoàn Aditya Birla Ấn Độ.

Nguồn: BCTC HN DCM

XK Thị trường Campuchia


Thị trường Campuchia cho thấy tiềm năng phát triển thị trường xuất khẩu bền vững. Khi doanh thu từ thị trường này liên tục qua các năm, và hiện chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu doanh thu của DCM (năm 2019: 18%).

Lợi thế xuất khẩu sang Campuchia đến từ: Thị hiếu phân bón Ure hạt đục, thị phần hiện ở mức 40%, hệ thống giao thông kênh rạch thuận lợi cho lưu thông hàng hóa với giá vận chuyển cạnh tranh.

Nguồn: BCTN DCM

Chi phí giảm nhờ giá đầu thấp: Giá khí nguyên liệu được tính thả nổi theo công thức 46% FO + Tariff vận chuyển. Giá đầu trung bình trong năm 2020 tiếp tục duy trì ở mức thấp do nhu cầu thấp được dự đoán trong khoảng 40 – 45 USD/thùng sẽ là yếu tố hỗ trợ tình hình kinh doanh.

Bên cạnh đó, sản lượng Ure tăng trưởng 35% góp phần thúc đẩy doanh thu tương đương quý trước.

Cơ chế giá khí của DCM

Thời điểm	Giá khí
Trước năm 2019	Cơ chế giá khí ưu đãi từ PVN đảm bảo tỷ suất lợi nhuận 12% trên vốn CSH
Từ năm 2019	Khi hết cơ chế giá khí ưu đãi, giá khí thuộc quyền nhận phía Việt Nam áp dụng là 0.46MFO và phần được cấp bù là 0.9HSFO.
Từ 29/02/2020	Giá khí cấp bù được tính tham chiếu tương ứng 12.7% giá dầu Brent.
Từ năm 2027 – 2031	Giá khí cấp bù tham chiếu 13.7% giá dầu Brent

Nguồn khí từ PVN mua lại thuộc quyền nhận từ đối tác Petronas tại mỏ PM3; 90% khí từ mỏ PM3, 10% khí từ nguồn cấp bù

Cước phí vận chuyển khí Tariff hiện đang là 1.09 USD/MMBTU trước thuế; và 1.17 USD/MMBTU sau thuế.

Trung bình 10 tháng đầu năm, giá khí đầu vào là 4.527 USD/MMBTU, thấp hơn 12.25% so với giá KH 2020: 5.16 usd/mmbtu (trong kịch bản giá dầu 60 USD/thùng). Điều này giúp tiết giảm hơn 300 tỷ đồng Chi phí hàng bán cho DCM.

Dòng tiền dồi dào từ hoạt động kinh doanh giúp Đạm Cà Mau có nguồn lực để trả nợ trong kỳ. Chi phí phải trả ngắn hạn của công ty chỉ còn 99 tỉ đồng so với mức 794 tỉ đồng so với đầu năm, một phần do công ty đã trả 610 tỉ đồng cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tổng dư nợ vay tài chính cũng giảm hơn 800 tỷ từ 1.794 tỷ xuống còn 976.7 tỷ

Cổ tức tiền mặt 6%: Ngày đăng ký cuối cùng là 29/10, thanh toán dự kiến vào ngày 23/11. Với 529,4 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Đạm Cà Mau đã chi 317,64 tỉ đồng để thực hiện chia cổ tức.

Yếu tố hỗ trợ kinh doanh khác:

(1) Nâng công suất nhà máy: DCM thực hiện dừng máy để bảo dưỡng trong tháng 08, dự kiến nâng công suất tối đa từ 110% lên 112% để tăng lượng tiêu thụ khí.

(2) Mở rộng thương hiệu: DCM chuyển sang tên gọi "Phân bón Cà Mau" nhằm mở rộng danh mục sản phẩm, đặc biệt sản phẩm phân bón NPK dự kiến ra mắt năm sau.

(3) Luật thuế GTGT 71 được thông qua và áp dụng từ năm 2021: Phân bón được khấu trừ thuế GTGT đầu vào 5%. Dự kiến DCM tiết kiệm 70 – 230 tỷ đồng tiền thuế GTGT. Dòng tiền tăng tương ứng.

(4) Nhà máy NPK dự kiến đóng góp 1,350 tỷ đồng doanh thu mỗi năm: DCM dự kiến công suất nhà máy NPK hoạt động ổn định sẽ đáp ứng 300 nghìn tấn/năm (nâng dần lên mức công suất tối đa từ mức 150 nghìn tấn trong năm 2021). Nguyên liệu đầu vào sử dụng khoảng 90 nghìn tấn Ure mỗi năm (theo công suất tối đa). DCM tận dụng nguồn Ure tự sản xuất để tiết giảm chi phí nhập khẩu

nguyên liệu đầu vào. Sản lượng Ure còn lại vẫn đủ đáp ứng trong nước và xuất khẩu. Thị trường mục tiêu là khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long. DCM kỳ vọng đạt 20% thị phần NPK.

Ngoài ra, DCM đang chịu khấu hao lớn, ước tính giá trị nhà máy đạm sẽ hết khấu hao trong tháng 4/2020 và đến khoảng giữa năm sau chi trả hết lãi vay xây dựng nhà máy. Tổng giá trị khấu hao hàng năm của DCM là hơn 1,300 tỷ. Tuy nhiên, nhà máy đạm còn mới và không phải phát sinh chi phí bảo trì quá cao hàng năm. Chi phí khấu hao không phải dòng tiền thực nên DCM vẫn đảm bảo dòng tiền khá tốt.

Cập nhật đánh giá tình hình kinh doanh

Chúng tôi đánh giá tình hình kinh doanh của doanh nghiệp vẫn tích cực, trên cơ sở giá khí nguyên liệu đầu vào vẫn ở mức thấp trong năm 2020 - 2021, các yếu tố thời tiết tác động tới thị trường nông nghiệp. Theo đó, ước tính doanh thu 2020 đạt 7.291 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 721,8 tỷ đồng, tương đương tăng 1.76% và 155% so với cùng kỳ 2019 trên cơ sở như sau:

- (1) Doanh thu thuần biến động theo chu kỳ mỗi quý, và có xu hướng ổn định về dài hạn, khi doanh nghiệp củng cố và tạo dựng thị phần xuất khẩu vững chắc;
- (2) Nguồn khí từ PM3 – Cà Mau ổn định (bao gồm cả nguồn trong nước và cả nguồn mua từ Malai) đạt khoảng 511.000 KSM3;
- (3) Sản phẩm NPK vận hành thương mại từ năm 2021 trở đi góp phần tăng trưởng doanh thu. Mặc dù vậy, trong vòng 1-2 năm đầu tiên, biên lợi nhuận dự kiến chưa tăng nhiều do cần thời gian hoạt động ổn định và phối trộn đạt hiệu quả tối đa. Ước tính doanh thu đạt 212.5 tỷ đồng trong năm 2021;
- (4) Chính sách thuế: Luật thuế 71/2014/QH13 kỳ vọng chính thức áp dụng từ năm 2021. Với khoản hoàn thuế GTGT đầu vào hơn 300 tỷ, triển vọng biên lợi nhuận ròng ước tính tăng lên thêm khoảng 3 - 4% cũng như dòng tiền được gia tăng;
- (5) Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi 9 năm từ 2015 - 2023 là 5%.

Đvt: Triệu đồng	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	7,042,421	7,151,866	7,406,292	7,500,178	7,638,819	7,809,324
Giá vốn hàng bán	6,086,522	5,988,058	6,402,396	6,253,554	6,282,230	6,489,613
Lợi nhuận gộp	955,899	1,163,808	1,003,896	1,246,625	1,356,589	1,319,711
<i>Biên lợi nhuận gộp (%)</i>	<i>13.57%</i>	<i>16.3%</i>	<i>13.6%</i>	<i>16.6%</i>	<i>17.8%</i>	<i>16.9%</i>
Chi phí bán hàng	361,131	382,262	401,375	421,443	442,516	464,641
Chi phí quản lý doanh nghiệp	201,192	209,032	216,469	219,213	223,265	228,248
Lợi nhuận tài chính	26,012	(58,632)	(12,588)	53,134	121,012	165,620
Lợi nhuận khác	44,569	25,707	25,707	25,707	25,707	25,707
Lợi nhuận trước thuế	464,158	539,589	399,172	684,810	837,528	818,149
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41,227	37,771	35,926	68,481	83,753	81,815
Lợi nhuận sau thuế	428,610	508,420	363,247	616,329	753,775	736,334
Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	427,112	506,923	361,749	614,831	752,277	734,836

Định giá doanh nghiệp
Phương pháp chiết khấu dòng tiền DCF
Yếu tố tính toán

Chi tiêu	Giá trị	Nguồn tham chiếu
Beta	0.67	Bloomberg
(R_f)	3.04%	Lợi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam kỳ hạn 15 – 20 năm
Equity Risk Premium	10.52%	Damodaran
Cost of Debts	8.00 %	Chi phí vay tài chính của DCM
WACC	8.91%	
Tăng trưởng dài hạn	1.0%	Dự báo CAGR tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ phân đạm từ Bloomberg giai đoạn 2021 – 2030 đạt 1.8%/năm Tuy nhiên chúng tôi đánh giá thận trọng tăng trưởng dài hạn doanh nghiệp đạt 1% do công suất vận hành nhà máy đạm đạt tối đa

Bảng chiết khấu dòng tiền FCFF

	Dec-20	Dec-21	Dec-22	Dec-23	Dec-24
EBIT	572,514	386,053	605,968	690,808	626,821
Thuế TNDN	5.00%	9.00%	9.00%	10.00%	15.00%
NOPAT	543,888	351,308	551,431	621,728	532,798
- Thay đổi vốn lưu động	- 93,377	- 23,009	260,309	- 181,569	- 1,362
- Đầu tư tài sản mới	- 304,890	- 462,788	- 475,825	- 475,825	- 475,825
+Khấu hao	1,380,010	1,439,595	1,522,911	1,421,167	454,489
FCFF	1,525,630	1,305,105	1,858,826	1,385,501	510,100.48
Tỷ lệ chiết khấu WACC	8.91%	8.91%	8.91%	8.91%	8.91%
DCF	1,400,820	1,100,301	1,438,923	984,779	332,905

Kết quả định giá

Định giá	
Giá trị doanh nghiệp	9,508,578
Tổng nợ vay	1,784,844
Lợi ích cổ đông thiểu số	27,278
Tiền mặt	2,473,173
Giá trị vốn cổ phần	10,169,629
SLCP đang lưu hành	529,400,000
Giá mục tiêu	19,210

Dựa vào các giả định trên, chúng tôi điều chỉnh dự phóng dòng tiền của doanh nghiệp, sử dụng FCFF để tiến hành chiết khấu dòng tiền về hiện tại. Giá mục tiêu của DCF là **19,210 đồng/cp**

Phương pháp so sánh: Chúng tôi lấy EPS dự phóng của DCM năm 2020 là 960 đồng/cp, BVPS dự phóng là 11,592 đồng/cp. Giá mục tiêu theo phương pháp so sánh P/E, P/B lần lượt là 16,455 đồng/cp và 20,087 đồng/cp.

Mẫu so sánh: Các doanh nghiệp phân ngành cấp IV theo chuẩn ICB thuộc khu vực Châu Á mới nổi

Ticker	Name	Net Sales T12M	P/E	P/B
000953 CH Equity	GUANGXI HECHI CHEMICAL IND-A	789.09	17.57	10.25
EGGUB TI Equity	EGE GUBRE SANAYII AS	2,550.00	16.99	4.4
300387 CH Equity	HUBEI FORBON TECHNOLOGY CO-A	1,998.60	40.78	2.18
000731 CH Equity	SICHUAN MEIFENG CHEM INDUS-A	8,950.50	58.53	1.03
025860 KS Equity	NAMHAE CHEMICAL CORP	21,423.83	15.86	0.86
DPM VN Equity	PETROVIETNAM FERT & CHEMICAL	8,116.81	8.45	0.83
RCF IN Equity	RASHTRIYA CHEMICALS & FERT	31,803.36	11.72	0.76
FATIMA PA Equity	FATIMA FERTILIZER CO LTD	10,165.70	4.7	0.72
001390 KS Equity	KG CHEMICAL CORP	62,662.88	1.86	0.66
DFPC IN Equity	DEEPAK FERTILISERS & PETRO	15,365.19	16.13	0.65
GNFC IN Equity	GUJARAT NARMADA VALLEY FERT	16,867.44	6.29	0.6
1866 HK Equity	CHINA XLX FERTILISER LTD	30,000.25	9.16	0.52
ZAP PW Equity	ZAKLADY AZOTOWE PULAWY SA	19,125.35	7.38	0.41
GSFC IN Equity	GUJARAT STATE FERT & CHEMICA	25,572.61	24.56	0.39
Trung bình			17.14	1.73

Tổng hợp kết quả định giá:

Phương pháp	Định giá
DCF	19,210
So sánh	18,271
Giá mục tiêu	18,740

Đồ thị Phân tích kỹ thuật



Điểm nhận kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương
- MACD vượt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng mua quá, xu hướng tăng

Nhận định: DCM đang nằm trong xu hướng tăng giá tăng giá ngắn hạn sau khi break out khỏi vùng nền tích lũy 12.000 – 13.000 hình thành trong 3 tháng vừa qua. Như vậy nhà đầu tư có thể mở vị thế cổ phiếu trong vùng giá 13.000 – 13.500, cân nhắc chốt lãi ngắn hạn khi cổ phiếu tiệm cận vùng giá 15.000 – 16.000, cắt lỗ nếu

Báo cáo tài chính

Income Statement (VND bn)	2019	2020F	2021F	Chỉ số chính	2019	2020F	2021F
Doanh thu thuần	7,176	7,291	7,305	Khả năng sinh lời			
Giá vốn hàng bán	6,084	5,906	6,399	Biên lợi nhuận gộp	15%	19%	12%
Lợi nhuận gộp	1,092	1,385	906	Biên EBITDA	24%	30%	24%
Doanh thu tài chính	127	117	170	Biên lợi nhuận trước thuế	6%	10%	4%
Chi phí tài chính	103	185	173	ROE	8%	11%	5%
Lãi/ lỗ trong công ty LD,LK	-	-	-	ROA	5%	7%	3%
Chi phí bán hàng	364	382	401	Tăng trưởng			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	201	213	213	Doanh thu	5%	2%	0%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	551	722	288	Lợi nhuận gộp	-34%	56%	-60%
Lợi nhuận khác	-	-	-	Lợi nhuận sau thuế (của cổ đông công ty mẹ)	-35%	54%	-60%
Lợi nhuận trước thuế	463	722	288	EPS	-35%	54%	-60%
Lợi nhuận sau thuế	428	657	263	Tổng tài sản	-8%	1%	-3%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	427	719	288	VCSH	-8%	1%	-3%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	2	1	1	Thanh khoản			
Balance Sheet (VND bn)	2019	2020F	2021F	Thanh toán hiện hành	1.29	1.65	1.83
Tài sản ngắn hạn	4,250	5,431	6,043	Nợ/tài sản	18%	16%	15%
I. Tiền & tương đương tiền	2,473	3,707	4,220	Nợ/vốn chủ sở hữu	29%	26%	24%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	Khả năng thanh toán lãi vay	4.52	6.06	2.48
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	402	469	470	Định giá			
IV. Hàng tồn kho	1,301	1,181	1,280	EPS (VND)	808	1,241	496
V. Tài sản ngắn hạn khác	74	74	74	BVPS (VND)	11,534	11,993	11,636
Tài sản dài hạn	5,923	4,835	3,881				
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-				
II. Tài sản cố định	5,188	4,501	3,389				
V. Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-				
VI. Tài sản dài hạn khác	36	36	36				
Tổng tài sản	10,173	10,266	9,925				
Nợ phải trả	4,066	3,917	3,764				
I. Nợ ngắn hạn	3,300	3,299	3,303				
1. Khoản phải trả ngắn hạn	2,144	2,143	2,147				
2. Vay & nợ thuê tài chính ngắn hạn	1,156	1,156	1,156				
II. Nợ dài hạn	766	618	461				
1. Các khoản phải trả dài hạn	138	146	147				
2. Vay & nợ thuê tài chính dài hạn	628	471	314				
Vốn chủ sở hữu	6,106	6,349	6,160				
1. Vốn điều lệ	5,294	5,294	5,294				
2. Cổ phiếu quỹ	-	-	-				
3. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-				
4. Lợi nhuận giữ lại	429	672	483				
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27	27	27				
6. Nguồn vốn khác	356	356	356				
Tổng nguồn vốn	10,173	10,266	9,925				



LIÊN HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Tòa nhà Hanoitourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: + 84 4 3934 3888 - Fax: +84 3934 3999

Website: www.psi.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Lầu 1, tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3914 6789
Fax: (84-8) 3914 6969

Chi nhánh TP. Vũng Tàu

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, Tp. Vũng Tàu
Điện thoại: (84-64) 254520/22/23/24/26
Fax: (84-64) 625 4521

Chi nhánh TP. Đà Nẵng

Tầng G và Tầng 1, Tòa nhà PVcomBank Đà Nẵng, Lô A2.1 đường 30 tháng 4, phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 389 9338
Fax: (84-236) 38 9933

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Đào Hồng Dương

Giám đốc Trung tâm Phân Tích
Email: duongdh@psi.vn

Đỗ Trung Thành

Phó Phòng PTDN
Email: thanhtd@psi.vn

Ngô Hồng Đức

Chuyên viên phân tích
Email: ducnh@psi.vn

Phạm Hoàng

Chuyên viên phân tích
Email: hoangnm@psi.vn

Lê Thị Hà Giang

Bộ phận truyền thông
Email: gianglh@psi.vn

Đồng Khau Tú

Chuyên viên phân tích
Email: tudk@psi.vn

Vũ Huyền Hà My

Bộ phận truyền thông
Email: myvh@psi.vn

Nguyễn Hoàng Minh Hương

Chuyên viên phân tích
Email: huongnhm@psi.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.